

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 /4 /2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Dung; Ông Lê Trung Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX - ST ngày 24 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn S - Sinh năm: 1964;

Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật cho ông Trịnh Văn S: Ông Trịnh Văn X - Sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn 2, xã V, huyện V L tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1967;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2, xã V, huyện V L, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn” ngày 23/7/2019 và tại bản tự khai ngày 27/9/2019, nguyên đơn là ông Trịnh Văn S trình

bày: Ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V L, tỉnh Thanh Hoá ngày 01/02/1987. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 1992 ông Trịnh Văn S bị bệnh tâm thần, bà H bỏ vào trong miền Nam làm ăn không quan tâm đến ông S, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 1994 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay ông Trịnh Văn S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng ông S, bà H có 01 con chung, tên là Trịnh Thị H1, sinh năm 1989. Hiện nay cháu Hiền đã trưởng thành và tự lập được, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông S, bà H có các tài sản gồm: 01 Ngôi nhà cấp 4 ba gian và công trình phụ làm trên thửa đất số 122, tờ bản đồ số 14 có diện tích 744 m² tại thôn 3, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nhà là tài sản chung của vợ chồng, ông S đề nghị Tòa án chia đôi giá trị nhà, còn diện tích đất ở là tài sản riêng của ông S chưa nhập vào tài sản chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án phân chia.

- Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tại bản tự khai ngày 03/3/2020, bị đơn là bà Trần Thị H trình bày: Bà Trần Thị H và ông Trịnh Văn S tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá ngày 01/02/1987. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Trịnh Văn S rượu chè, thường xuyên đánh đập xúc phạm bà H, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 1997 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Trần Thị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hôn nhân đã thực sự tan vỡ, ông Trịnh Văn S yêu cầu ly hôn, bà Trần Thị H cũng đồng ý ly hôn ông Trịnh Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng ông S, bà H có 01 con chung, tên là Trịnh Thị H1, sinh năm 1989. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành và tự lập được nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông S, bà H có các tài sản chung gồm: 01 Ngôi nhà cấp 4 ba gian và công trình phụ làm trên thửa đất số 122, tờ bản đồ số 14 có diện tích 744 m² tại thôn 3, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Bà H đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/3/2020 ông Trịnh Văn X là người đại diện theo pháp luật và người giám hộ cho ông Trịnh Văn S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng ông S, bà H.

Tại đơn đề nghị ngày 06/3/2020 bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa:

-Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, vụ án giải quyết đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị: + Đình chỉ xét xử việc yêu cầu chia tài sản chung của ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H.

+ Về án phí: Ông Trịnh Văn S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trịnh Văn S có đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với bà Trần Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ông Trịnh Văn S là người bị mất năng lực hành vi dân sự nên ông Trịnh Văn Xoan (Người giám hộ cho ông Trịnh Văn S) là người đại diện theo

pháp luật cho ông Trịnh Văn S theo quy định tại điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trịnh Văn Xoan và bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông Xoan, bà H theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V L, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 01 tháng 02 năm 1987 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nên thường bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong công việc làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 1997, vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông Trịnh Văn S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc đã thực sự tan vỡ không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị được ly hôn bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H cũng xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn nữa nên đồng ý ly hôn. Như vậy thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy xử cho ông Trịnh Văn S được ly hôn bà Trần Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông S, bà H có 01 con chung, tên là Trịnh Thị H1, sinh năm 1989. Hiện nay cháu Hiền đã trưởng thành và tự lập được, ông S, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Trịnh Văn X là người đại diện theo pháp luật cho ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H đều thống nhất rút phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng ông S, bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về công nợ: Vợ chồng ông S, bà H không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí: Ông S là người mất năng lực hành vi dân sự nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68; Khoản 4 Điều 147; Điều 85, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử việc yêu cầu chia tài sản chung của ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H.

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trịnh Văn S và bà Trần Thị H.

3. Về án phí: Ông Trịnh Văn S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Dung

Ngô Thị Tuyết

Lê Trung Kiên

